

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TU
TỈNH LC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22- 6 - 2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU TỈNH LC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quảng Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Lệ Thủy

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Som – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TU tham gia phiên tòa: Ông Đào Khánh Thiện- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TU tỉnh LC xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Soi Thị T, sinh năm: 1996; Nơi ĐKKHKT: Bản L 2, xã TM, huyện TU, tỉnh LC; (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn U, sinh năm: 1994; Nơi ĐKKHKT: Bản L 2, xã TM, huyện TU, tỉnh LC; (Vắng mặt không có lý do chính đáng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Soi Thị T trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Soi Thị T và anh Nguyễn Văn U tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2017 đến ngày 30/3/2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện TU, tỉnh LC. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại bản L 2 xã TM, huyện TU cùng bố mẹ anh U, chủ hộ là ông Nguyễn Văn T. Sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình và bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng lẫn nhau

dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 8/2021, chị T về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Bản L, xã MK, huyện TU và từ đó đến nay anh chị không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh U có một con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc BH, sinh ngày 08/01/2019. Trong thời gian chị T và anh U không sống chung thì cháu Hân ở cùng với chị T. Ly hôn, chị T có yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc BH cho đến khi cháu Hân thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, kèm theo đơn khởi kiện chị T đã nộp cho Tòa án; Trích lục kết hôn số 08/TLKH-BS ngày 10/02/2022 và bản sao giấy khai sinh cháu Nguyễn Ngọc BH do UBND xã TM, huyện TU, tỉnh LC cấp, việc giao nộp tài liệu chứng cứ đúng thời gian và đúng trình tự, thủ tục.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Soi Thị T và anh Nguyễn Văn U tự nguyện tìm hiểu, sống chung từ năm 2017 đến ngày 30/3/2018 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện TU, tỉnh LC. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng do anh chị không hợp tính tình và bất đồng quan điểm sống, chị T ngoại tình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Từ năm 2021 đến nay anh chị không còn sống chung, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không thành nhưng do còn tình cảm với vợ và thương con còn nhỏ nên anh U không đồng ý ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Anh U công nhận anh và chị T có một con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc BH, sinh ngày 08/01/2019. Ly hôn, anh U có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc BH và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh U không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh U không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện TU đã thụ lý vụ án, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh thu nhập của các đương sự và tài liệu xác minh tại gia đình, địa phương thể hiện trong thời gian chung sống, chị T và anh U thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, gia đình đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, thôn bản chưa hòa giải nhưng xác định chị T và anh U đã không còn sống chung từ năm 2021 đến nay. Đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện TU quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị Soi Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn U. Anh Nguyễn Văn U không đồng ý ly hôn với chị T và có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên.

Sau khi tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TU phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Đương sự trong vụ án từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và đình năm 2014; Các Điều 5; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Soi Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

Về con chung: Giao cho chị Soi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc BH cho đến khi cháu Hân thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động. Do chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khy ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn U có hộ khẩu thường trú tại bản L 2, xã TM, huyện Than Uyên, tỉnh LC. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TU, tỉnh LC.

Ngày 25/5/2022, Toà án nhân dân huyện TU mở phiên toà lần thứ nhất, anh Nguyễn Văn U đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Ngày 22/6/2022, Tòa án mở lại phiên tòa, anh Nguyễn Văn U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn U.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, biên bản xác minh tại UBND xã TM, huyện TU, tỉnh LC và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Soi Thị T và anh Nguyễn Văn U sống chung có đăng ký kết hôn vào ngày 30/03/2018 tại UBND xã TM, huyện TU, tỉnh LC trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh U là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh U đều công nhận nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị không hợp tính tình, luôn bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Anh Nguyễn Văn U cho rằng chị T ngoại tình, tuy nhiên ngoài lời khai anh không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Các đương sự đều công nhận đã không còn sống chung từ tháng 8/2021 đến nay. Mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện TU đã tiến hành hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh U, anh U không đồng ý ly hôn. Bản thân anh U cho rằng còn tình cảm với chị T nhưng cũng không có giải pháp để hàn gắn gia đình. Hội đồng xét xử nhận định, mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh U đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng

đã rạn nứt không thể hàn gắn, các bên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng như không còn yêu thương nhau, không còn sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình và hiện nay anh chị đã ly thân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp với các quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị T được ly hôn với anh U.

[2.2]. Về nuôi con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 11/2019 ngày 23/01/2019 và các biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TM và nơi cư trú của các đương sự xác định:

Trong thời gian chung sống như vợ chồng chị Soi Thị T và anh Nguyễn Văn U có một con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc BH, sinh ngày 08/01/2019. Từ tháng 08/2021 đến nay, cháu Hân sống cùng với chị T.

Xét về điều kiện, Anh Nguyễn Văn U và chị Soi Thị T đều có Hộ khẩu thường trú tại bản L 2, xã TM, huyện TU, tỉnh LC do ông Nguyễn Văn Tùy là chủ hộ, thời gian ly thân chị T về ở cùng bố mẹ tại Bản Lướt, xã Mường Kim, huyện TU, còn anh U vẫn sống cùng với bố mẹ đẻ, cả hai đều không có nhà riêng; anh chị có nghề nghiệp là trồng trọt, ngoài ra đi làm thuê, mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại xã TM, huyện TU khoảng 2.300.000 đồng/tháng. Qua xác minh, anh U thường xuyên đi làm thuê xa nhà và hiện tại không có mặt tại địa phương nên không có đủ các điều kiện để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Về phía chị T, trong thời gian từ tháng 08/2021 cháu Hân sống cùng chị T, được đảm bảo các điều kiện sinh hoạt đầy đủ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu Nguyễn Ngọc BH hiện đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần và nhân cách. Do đó, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Soi Thị T, giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Nguyễn Ngọc BH, sinh ngày 08/01/2019 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hân thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài chung và nợ chung, cho vay chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Soi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Các Điều 143, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81 82, 83 Luật Hôn nhân và đình năm 2014;
- **Điểm a khoản 5 Điều 27** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Soi Thị T, xử cho chị Soi Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Soi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Ngọc BH, sinh ngày 08/01/2019 từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hân thành niên (đủ 18 tuổi) không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Văn U có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Soi Thị T theo Quyết định của Tòa án. Chị T có quyền yêu cầu anh U cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Anh Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Soi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) . Xác nhận chị Soi Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số **AA/2021/0000532 ngày 21/02/2022** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TU, tỉnh LC nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Than Uyên;
- Chi cục THA dân sự huyện TU;
- Các đương sự;
- UBND xã TM, huyện TU;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Quàng Thị Phương

